

## **THÔNG TƯ**

### **Hướng dẫn quy chế quản lý và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn quy chế quản lý và hoạt động của mạng lưới tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư hướng dẫn việc tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hỗ trợ DNNVV ngày 12 tháng 6 năm 2017; Điều 13; khoản 1 Điều 21; khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b và điểm d khoản 4 Điều 24; điểm g khoản 1 Điều 25 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các Bộ, ngành, UBND tỉnh).

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập theo quy định của pháp luật.

4. Chuyên gia tư vấn thực hiện hoạt động tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

5. Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

6. Các cá nhân, tổ chức khác liên quan đến hoạt động hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Cá nhân tư vấn tham gia mạng lưới tư vấn viên là các chuyên gia tư vấn độc lập, có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm phân tích và chẩn đoán thực trạng kinh doanh, đưa ra các giải pháp tốt nhất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; đăng ký và được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên của Bộ, ngành theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Tổ chức tư vấn tham gia mạng lưới tư vấn viên là các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp theo quy định tại Nghị định số 87/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ về hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn; các cơ quan, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật có chức năng tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; đăng ký và được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên của Bộ, ngành theo Điều 8 Thông tư này.

3. Đơn vị đầu mối là đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, được giao nhiệm vụ tổ chức, quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện hoạt động tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên.

4. Hợp đồng tư vấn là thỏa thuận và cam kết giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa và cá nhân, tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên, đáp ứng các quy định tại Mục Đ Nghị định số 87/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ về hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn.

### **Điều 4. Các hoạt động của mạng lưới tư vấn viên**

1. Tổ chức khảo sát đánh giá nhu cầu tư vấn của doanh nghiệp nhỏ và vừa; khả năng cung ứng của mạng lưới tư vấn.

2. Xây dựng và ban hành tiêu chí, tổ chức đăng ký, công nhận đạt tiêu chuẩn tham gia mạng lưới tư vấn viên.

3. Duy trì, vận hành, tuyên truyền mạng lưới tư vấn viên hỗ trợ doanh nghiệp.

4. Tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên.

5. Thẩm tra hồ sơ, thẩm định kết quả, lưu trữ hồ sơ hợp đồng tư vấn sử dụng mạng lưới tư vấn tư vấn viên.

6. Giám sát, đánh giá tình hình hoạt động, tác động và hiệu quả của mạng lưới tư vấn viên; tổ chức hội nghị, hội thảo về triển khai mạng lưới tư vấn trên toàn quốc; tổ chức đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm về tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp trong và ngoài nước.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN**

#### **Điều 5. Xây dựng mạng lưới tư vấn viên**

1. Mạng lưới tư vấn viên được xây dựng theo quy định tại Khoản 4, Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khuyến khích các cá nhân, tổ chức có năng lực và kinh nghiệm tham gia mạng lưới tư vấn viên để tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ phối hợp với các địa phương và hiệp hội doanh nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu về cá nhân và tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên do cơ quan mình quản lý để hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **Điều 6. Tiêu chí tham gia mạng lưới tư vấn viên**

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình xây dựng và ban hành tiêu chí công nhận cá nhân, tổ chức tư vấn đủ tiêu chuẩn tham gia mạng lưới tư vấn viên trong các ngành, lĩnh vực phụ trách.

2. Tiêu chí công nhận cá nhân, tổ chức tư vấn đủ tiêu chuẩn tham gia mạng lưới tư vấn viên bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cụ thể như sau:

a) Đối với cá nhân tư vấn là người Việt Nam:

- Có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật chuyên ngành; hoặc có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm tư vấn trong lĩnh vực sản xuất, chế biến chế tạo; hoặc tốt nghiệp đại học trở lên và có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm tư vấn trong các lĩnh vực khác;

- Có ít nhất 01 năm làm công tác quản lý tại doanh nghiệp hoặc tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc dự án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp;

- Có ít nhất 05 hợp đồng hoặc 100 giờ thực hiện tư vấn cho doanh nghiệp;

- Các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ, cơ quan ngang Bộ để tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của ngành, lĩnh vực phụ trách.

b) Đối với cá nhân tư vấn là lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, áp dụng theo quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 3 Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

c) Đối với tổ chức tư vấn:

- Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Có chức năng tư vấn cho doanh nghiệp theo quy định; hoặc có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo pháp luật chuyên ngành;

- Có ít nhất 03 cá nhân tư vấn đáp ứng tiêu chí quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này ký hợp đồng dài hạn hoặc không xác định kỳ hạn;

- Có tối thiểu 10 hợp đồng tư vấn cho doanh nghiệp;

- Các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Bộ, cơ quan ngang Bộ để tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của ngành, lĩnh vực phụ trách.

d) Các trường hợp đặc thù do các Bộ, cơ quan ngang Bộ quyết định.

## **Điều 7. Hồ sơ đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên**

1. Hồ sơ đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Việc nộp hồ sơ tham gia mạng lưới tư vấn viên được thực hiện theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11

tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định về danh mục hồ sơ chứng minh đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 6 Thông tư này.

### **Điều 8. Công nhận tham gia Mạng lưới tư vấn viên**

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình xây dựng và ban hành quy định về quy trình nội bộ về thủ tục xét và công nhận cá nhân, tổ chức tư vấn đủ tiêu chuẩn tham gia mạng lưới tư vấn viên các ngành, lĩnh vực phụ trách.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày công nhận cá nhân, tổ chức đủ điều kiện tham gia mạng lưới tư vấn viên, đơn vị đầu mỗi công bố tên, số đăng ký và hồ sơ năng lực của cá nhân, tổ chức tư vấn trên trang thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố công khai trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Đơn vị đầu mỗi thực hiện rà soát, đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên các cá nhân và tổ chức tư vấn có hành vi vi phạm, cụ thể như sau:

a) Có hành vi trục lợi, vi phạm pháp luật khi thực hiện tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

c) Tư vấn không kịp thời, thiếu trách nhiệm làm ảnh hưởng, cản trở đến hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

d) Tư vấn sai lệch gây hậu quả, thiệt hại cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

e) Các trường hợp khác do các Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định.

### **Điều 9. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cá nhân, tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên**

1. Cá nhân, tổ chức tư vấn tham gia mạng lưới tư vấn viên được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, áp dụng theo quy định về đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Hàng năm, đơn vị đầu mỗi tổng hợp nhu cầu đào tạo mạng lưới tư vấn viên, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch và phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong ngoài nước tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

nâng cao năng lực cho các cá nhân tư vấn và tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên.

3. Điều kiện để cá nhân, tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên tham gia khóa đào tạo:

- Đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên trong năm liền trước;

- Cam kết tiếp tục làm việc trong mạng lưới ít nhất 02 năm sau khi kết thúc khóa đào tạo.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC HỖ TRỢ TƯ VẤN CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA QUA MẠNG LƯỚI TƯ VẤN VIÊN**

### **Điều 10. Lựa chọn cá nhân, tổ chức tư vấn**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thông tin về mạng lưới tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa lựa chọn, tiếp cận, thương thảo, ký kết hợp đồng tư vấn với cá nhân, tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên theo nhu cầu của doanh nghiệp.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng, phát triển các phần mềm, ứng dụng trực tuyến để khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên, sử dụng và đánh giá việc cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng lưới tư vấn viên.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện tuyên truyền, phổ biến thông tin về mạng lưới tư vấn viên để doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng tiếp cận.

### **Điều 11. Nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn**

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn tại cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để được xem xét, phê duyệt hỗ trợ tư vấn theo các nội dung sau:

a) Phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn;

b) Phê duyệt kết quả dịch vụ tư vấn.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về

quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc xem xét, thẩm tra hồ sơ và kết quả tư vấn theo quy định tại điều 12 Thông tư này.

## **Điều 12. Phê duyệt hỗ trợ tư vấn**

1. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trách nhiệm xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn theo các nội dung sau:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 6, Điều 20, Điều 23 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Cá nhân, tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên;

- Nội dung hợp đồng tư vấn tuân thủ quy định, phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp;

- Giải pháp tư vấn khả thi, có thể đáp ứng các yêu cầu đề ra của doanh nghiệp;

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa cam kết thực hiện tối thiểu 50% giải pháp tư vấn đưa ra;

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa cam kết chi trả toàn bộ chi phí hợp đồng ngoài phần được phê duyệt hỗ trợ;

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa cam kết chưa được nhận hỗ trợ tư vấn từ mạng lưới tư vấn viên trong năm đề nghị hỗ trợ;

- Kinh phí đề xuất hỗ trợ phù hợp với định mức hỗ trợ quy định tại Điều 13, Điều 15, Điều 19, Điều 21, Điều 24, Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được bố trí đủ nguồn lực để thực hiện hỗ trợ tư vấn.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn, cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ra quyết định về việc phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn của doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó nêu rõ mức hỗ trợ và số tiền miễn, giảm phí tư vấn của hợp đồng tư vấn theo quy định tại khoản 3 điều 14 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

3. Sau khi hợp đồng tư vấn được ký kết và thực hiện hoàn thành, doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tư vấn, thanh toán phần kinh phí do doanh nghiệp nhỏ và vừa phải chi trả và gửi hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tư vấn tới cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để được phê duyệt kết quả tư vấn.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ nêu tại khoản 3 điều này, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trách nhiệm xem xét, thẩm tra việc thực hiện các cam kết ghi tại hợp đồng tư vấn để phê duyệt kết quả tư vấn của hợp đồng.

### **Điều 13. Lưu trữ hồ sơ**

1. Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lưu trữ toàn bộ hồ sơ, chứng từ liên quan theo từng hợp đồng tư vấn, bao gồm:

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn (theo quy định tại Điều 11 Thông tư này);
- Hợp đồng tư vấn và biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tư vấn;
- Quyết định phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn;
- Quyết định phê duyệt kết quả tư vấn;
- Các hoá đơn, chứng từ tài chính liên quan.

2. Việc lưu trữ hồ sơ phải bảo đảm công tác và thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành về tài liệu lưu trữ.

### **Điều 14. Công khai thông tin hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa công bố thông tin về việc hỗ trợ tư vấn trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để công bố công khai trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **Điều 15. Xử lý vi phạm**

1. Các hành vi vi phạm trong quá trình sử dụng dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên bao gồm:

a) Doanh nghiệp cố ý cung cấp thông tin không trung thực tại Tờ khai xác định doanh nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

b) Cá nhân, tổ chức tư vấn có hành vi thuộc phạm vi quy định tại khoản 3, điều 8 Thông tư này.

c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa và cá nhân, tổ chức tư vấn thoả thuận ký kết hợp đồng không nhằm mục đích chiếm đoạt phần hỗ trợ của nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa có hành vi vi phạm trong quá trình sử dụng dịch vụ tư vấn qua mạng lưới tư vấn viên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình xem xét, thẩm tra hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn và phê duyệt kết quả tư vấn, nếu phát hiện các hành vi vi phạm nêu tại khoản 1 điều này, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa công khai thông tin về hành vi vi phạm tại trang thông tin điện tử của mình và gửi thông báo hành vi vi phạm tới các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực tư vấn để rà soát đưa ra khỏi mạng lưới tư vấn viên và tới Bộ Kế hoạch Đầu tư để theo dõi, tổng hợp và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về doanh nghiệp nhỏ và vừa.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Lập kế hoạch, giao nhiệm vụ hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên**

1. Vào thời điểm xây dựng kế hoạch kinh tế xã hội và dự toán ngân sách hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng dẫn xây dựng kế hoạch hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên theo định hướng lĩnh vực, địa bàn ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp trên cơ sở định hướng ưu tiên phát triển của nhà nước.

2. Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhu cầu trợ giúp tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xây dựng kế hoạch hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch để tổng hợp chung kế hoạch hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu kế hoạch hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi về Bộ Tài chính trong tháng 7 của năm trước năm kế hoạch. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định đối với phần kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Căn cứ dự toán ngân sách trung ương bố trí cho các hoạt động hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng phương án và thống nhất với Bộ Tài chính để ra văn bản thông báo kế hoạch hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và kinh phí ngân sách hỗ trợ cho các Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên trong ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

2. Hướng dẫn UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch sử dụng dịch vụ hỗ trợ tư vấn từ mạng lưới tư vấn viên.

3. Tổng hợp kế hoạch và phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án và giao nhiệm vụ cho các Bộ, tổ chức Hiệp hội thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên.

4. Tuyên truyền, phổ biến thông tin về mạng lưới tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, một số phương tiện thông tin đại chúng và tài liệu phổ biến phù hợp theo quy định hiện hành.

5. Chủ trì xây dựng, phát triển các phần mềm, ứng dụng trực tuyến để khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, báo cáo cơ quan có thẩm quyền dừng hỗ trợ kinh phí thực hiện đối với các hoạt động khi phát hiện sai phạm.

7. Xây dựng báo cáo tình hình hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên thuộc các Bộ, ngành, hiệp hội, địa phương, tổng hợp chung trong báo cáo tình hình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cả nước.

8. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, chủ động sửa đổi bổ sung kịp thời các quy định của Thông tư đảm bảo thuận lợi và hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện.

### **Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

Hướng dẫn việc lập, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên.

2. Căn cứ văn bản tổng hợp nhu cầu kế hoạch kinh phí hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hàng năm, chủ trì báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định đối với kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Chủ trì hướng dẫn các Bộ ngành địa phương, hiệp hội về công tác quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

### **Điều 19. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ**

1. Ban hành quy định về tiêu chí, hồ sơ và quy trình công nhận tham gia mạng lưới tư vấn viên các ngành, lĩnh vực phụ trách.

2. Lập kế hoạch tổ chức mạng lưới tư vấn viên và tổ chức hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên thuộc ngành mình quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động và hiệu quả của mạng lưới tư vấn viên thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

4. Chủ động kiểm tra, rà soát mạng lưới tư vấn viên và đánh giá tình hình hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên của Bộ mình.

5. Tuyên truyền, phổ biến thông tin về mạng lưới tư vấn viên thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách trên trang thông tin điện tử của mình, trên một số phương tiện thông tin đại chúng và tài liệu phổ biến phù hợp theo quy định hiện hành

6. Định kỳ lập báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư

để tổng hợp chung trong báo cáo tình hình thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Điều 20. Trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư này.

2. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư này, giao các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình thực hiện hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua Mạng lưới tư vấn viên vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Chủ động nắm bắt nhu cầu, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên.

2. Thực hiện thẩm tra hồ sơ đề nghị hỗ trợ tư vấn, thẩm định kết quả hợp đồng tư vấn, lưu trữ hồ sơ và công khai thông tin về hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Điều 12, 13, 14 Thông tư này.

3. Tổng hợp báo cáo tình hình hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa qua mạng lưới tư vấn viên, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung.

4. Chủ động thông tin các hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức tư vấn và doanh nghiệp nhỏ và vừa tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, cơ quan ngang Bộ phụ trách ngành, lĩnh vực hoạt động của cá nhân, tổ chức tư vấn đó.

#### **Điều 22. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tư vấn tham gia mạng lưới tư vấn viên**

Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tư vấn tham gia mạng lưới tư vấn viên được áp dụng theo quy định tại Điều 27 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **Điều 23. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa**

Trách nhiệm của doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng theo quy định tại Điều 28 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Hội đồng dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Kho bạc nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Liên minh các HTX Việt Nam;
- Hiệp hội DNNVV Việt Nam;
- Công báo;
- Website: Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Lưu: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (VT, Cục PTDN:10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Đại Thắng**